

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-PT

Ngày 16-01-2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản  
gắn liền với đất, di dời tài sản trên đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Đức Chiến

*Các Thẩm phán:* Ông Chu Long Kiếm

Bà Nguyễn Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2022/QĐ-PT ngày 29/11/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2022/QĐPT-DS ngày 16/12/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 28/TB-TA ngày 29/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vy Tuấn A, sinh năm 1993. Cư trú tại: Phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nông Văn T, sinh năm 1960; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Nông Trung K, sinh năm 1989 Cùng trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. (Văn bản ủy quyền ngày 25-3-2022); vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Chu Bích T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vi Thị H, sinh 1972. Cư trú tại: Đường T, Thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Vi Xuân K, sinh năm 1979; có mặt

3. Chị Vi Thị Hồng P, sinh năm 1997; có mặt

4. Chị Hà Kim C, sinh năm 1980; vắng mặt.

Cùng trú tại: Phố Đ, xã Đ, huyện V, Lạng Sơn.

5. Bà Hoàng Thị K (tức Hoàng Thị D), sinh năm 1974. Cư trú tại: Tổ 3, khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

6. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1960; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Anh Nông Trung K, sinh năm 1989 (Văn bản ủy quyền ngày 25-3-2022); vắng mặt.

7. Anh Nông Trung K, sinh năm 1989. vắng mặt.

8. Chị Hà Thị N, sinh năm 1991; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện V, Lạng Sơn.

9. Bà Nông Thị D, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Hoàng Thị H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 24-5-2022); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nông Văn T, là bị đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Diện tích đất tranh chấp: 799m<sup>2</sup>, trong đó S1 là 785,3m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 629, S2 là 13,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 699 tờ bản đồ lâm nghiệp số 1 tỷ lệ 1/10.000 xã V (cũ), huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trên đất tranh chấp có 06 cây hồi, 54 cây tre gai, 05 cây xoan, 03 cây sau sau (02 cây bị chặt ngang thân cây), 01 cây vối, 01 cây vú sữa, 01 cây tạp, là tài sản đã có trên đất từ trước; 10 cây lát, 01 cây mít, 01 cây mận do bị đơn mới trồng và 01 ngôi mộ diện tích 10m<sup>2</sup> của gia đình bị đơn chôn cất con trai (Nông Văn K1) từ năm 2018.

Nguyên đơn trình bày: Ông bà nội của nguyên đơn là ông Vi P (tên khác: Vi Hồng P, Vi Hồng P1) và bà Chu Thị H (đều đã chết) có đất rừng tại địa danh P, thôn N, xã V (nay là thôn C, xã Đ), huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng với ông Hà Văn T từ năm 1994, có lập văn bản có xác nhận của UBND xã V (cũ), huyện V. Năm 1995, ông Vi P được nhà nước giao Hồ sơ quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (Sổ Bìa xanh), số lô là 243

mang tên Vi P, nay là thửa 629, nhưng chưa kê khai quyền sử dụng đất. Bố, nguyên đơn là ông Vi Văn H (đã chết), mẹ là bà Hoàng Thị D (tên khác: Hoàng Thị K) và chú ruột là ông Vi Xuân K được trồng hồi từ năm 1995 trên cả khu rừng. Năm 2003, sau khi bố, mẹ nguyên đơn ly hôn thì bố nguyên đơn kết hôn với bà Nông Thị D, gia đình anh hàng năm thăm phát thường xuyên không bỏ năm nào. Sau khi ông nội chết thì bà nội đã chia khu đất rừng này cho bố nguyên đơn là ông Vi Văn H quản lý, sử dụng, việc chia đất này không lập văn bản. Khi bà nội nguyên đơn già yếu, bà thuê người phát rừng ông Nông Văn T không có ý kiến gì. Năm 2017, bố và bà nội nguyên đơn chết thì nguyên đơn là người trực tiếp quản lý, sử dụng khu rừng này. Năm 2020, 2021 vợ chồng nguyên đơn phát rừng trồng hồi thì ông Nông Văn T nhổ đi để trồng cây mận, cây mít, ngô xuống mảnh đất tranh chấp. Diện tích đất tranh chấp được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ xác định thuộc một phần thửa 629 thuộc quyền quản lý của nguyên đơn, nhưng ông Nông Văn T không đồng ý. Nay nguyên đơn khẳng định nhà ông Nông Văn T chỉ có một mảnh vườn nhỏ giáp với khu vực đất đang tranh chấp, mảnh vườn này từ năm 1999 giữa bà nội nguyên đơn và ông Nông Văn T đã xảy ra tranh chấp, bà nội nguyên đơn đã nhường lại mảnh vườn này cho ông Nông Văn T, từ đó gia đình ông Nông Văn T đã trồng bạch đàn trên phần đất này, còn diện tích đất tranh chấp thuộc đất rừng của nhà nguyên đơn giáp vườn nhà ông Nông Văn T có 01 bậc cao ngăn cách. Khi khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được quản lý, sử dụng diện tích khoảng 360m<sup>2</sup> và sở hữu cây hồi, cây tre và một số cây khác có trên đất tranh chấp thuộc thửa 629 tại địa danh P, thôn N (nay là thôn C), xã Đ, huyện V. Đối với các cây mít, mận, lát do bị đơn mới trồng và ngôi mộ do gia đình bị đơn chôn cất con trai từ năm 2018, nguyên đơn yêu cầu ông Nông Văn T di dời đi nơi khác. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích S2 là 13,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 699, trên đất không có tài sản và yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được quản lý sử dụng diện tích S1 là 785,3m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 629, tờ bản đồ lâm nghiệp số 1 tỷ lệ 1/10.000 (xã V cũ) và sở hữu tài sản trên đất gồm 06 cây hồi, 54 cây tre gai, 05 cây xoan, 03 cây sau sau, 01 cây vối, 01 cây vú sữa. Đối với 10 cây lát, 01 cây mít, 01 cây mận, nguyên đơn yêu cầu bị đơn di dời đi nơi khác. Trên phần diện tích đất này nguyên đơn chấp nhận để cho bị đơn quản lý 10m<sup>2</sup> và để lối đi từ thửa đất bị đơn vào ngôi mộ là 04,2m<sup>2</sup>, không yêu cầu trả tiền đất ngôi mộ và lối đi. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định bản đồ với tổng số tiền là 13.249.000 đồng, anh Vy Tuấn A chịu tương ứng với diện tích đã rút yêu cầu, số tiền còn lại nguyên đơn yêu cầu ông Nông Văn T phải chịu toàn bộ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn gồm bà Vi Thị H, ông Vi Xuân K, bà Hoàng Thị D (Hoàng Thị K), bà Vi Thị Hồng P, chị Hà Kim C, bà Nông Thị D nhất trí với các nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không yêu cầu được quản lý đất tranh chấp.

Bị đơn ông Nông Văn T trình bày: Gia đình ông có đất rừng tại N, thôn N, xã V (cũ). Nguồn gốc là do bố mẹ ông là ông Nông Đường N và bà Nguyễn Thị V (đều đã chết) khai phá để trồng ngô, sản từ năm 1957. Năm 1995, ông được

bố mẹ chia cho đất rừng này, việc chia đất không lập văn bản mà chỉ nói bằng miệng. Năm 1995 được Nhà nước phát hồi dự án, ông được trồng 12 cây hồi tại mảnh đất này nhưng chỉ sống 06 cây. Những năm sau đó gia đình ông chỉ trồng ngô, sắn. Giáp ranh với đất rừng nhà ông có rừng của nhà Vy Tuấn A, nguồn gốc là của ông Vi P và bà Chu Thị H mua với ông Hà Văn T từ năm 1994, có ranh giới là hàng đá và cây tre của bố, mẹ ông trồng. Gia đình ông chưa được giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng (Sổ bì xanh), chưa được đi kê khai quyền sử dụng đất nhưng đến năm 2000 ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số Q 841684 do UBND huyện V cấp ngày 07-11-2000 cho hộ ông Nông Văn T số thửa 355, diện tích 12.000m<sup>2</sup>. Năm 1999 gia đình ông xảy ra tranh chấp 01 lần với bà Chu Thị H và con trai là Vi Xuân K, sự việc được Thôn N hòa giải, từ đó gia đình ông tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay. Năm 2018, con trai ông là Nông Văn K1 chết thì gia đình ông đã chôn cất ngay trên mảnh đất đang tranh chấp, gia đình nguyên đơn không có ý kiến gì. Tháng 03-2020, gia đình ông cuốc hố trồng cây mận, cây mít, thì anh Vy Tuấn A đến nhổ hết, từ đó xảy ra tranh chấp. Nay ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất, không chấp nhận di dời cây mới trồng đi nơi khác và không chấp nhận chịu chi phí tố tụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn gồm bà Hoàng Thị V, anh Nông Trung K, chị Hà Thị N nhất trí với các nội dung trình bày của bị đơn.

Tại kết luận giám định tư pháp của Giám định viên thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn ngày 10/5/2022 xác định: Diện tích đất tranh chấp 799,0m<sup>2</sup> theo Sơ đồ trích đo khu đất tranh chấp do Công ty cổ phần tư vấn T - Lạng Sơn lập ngày 08/4/2022 thuộc một phần của lô đất số 243, tên chủ sử dụng là ông Vi P được giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng từ năm 1995. Diện tích đất tranh chấp 799,0m<sup>2</sup> theo Sơ đồ trích đo khu đất tranh chấp do Công ty cổ phần tư vấn T lập ngày 08/4/2022 không trùng với thửa 355 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri Q 841684 đã được UBND huyện V cấp hộ ông Nông Văn T”.

Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày: Phần diện tích S1 là 785,3 m<sup>2</sup> nằm trong một phần thửa 629, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã V (nay là xã Đ). Năm 1995, trong sổ lâm bạ vị trí tranh chấp thuộc lô 243 tên ông Vi P, diện tích 2,3 ha. Năm 2000 vị trí tranh chấp thuộc thửa đất số 243, trong sổ mục kê không thể hiện tên chủ sử dụng đất. Năm 2011, vị trí tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 629, trong sổ mục kê chưa thể hiện tên chủ sử dụng đất và chưa đăng ký đất đai xin cấp giấy chứng nhận vị trí mảnh đất nêu trên. Phần diện tích S2 13,7 m<sup>2</sup> nằm trong một phần thửa 699. Năm 2011 vị trí tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 699, trong sổ mục kê thể hiện mục đích sử dụng là đất đồi núi chưa sử dụng, do UBND xã quản lý, thửa đất chưa được đăng ký đất đai xin cấp giấy chứng nhận vị trí mảnh đất nêu trên. Đối với thửa đất số 355 diện tích 12.000 m<sup>2</sup> cấp cho hộ ông Nông Văn T tại địa danh T, thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn không trùng vị trí đất đang tranh chấp. Qua kiểm tra tại UBND xã, kết quả

xác minh cho thấy khoảng năm 1999 đến năm 2000 thôn N (nay là thôn C) đã giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nông Văn T và bà Chu Thị H, kết quả giải quyết không thành. Trường hợp trên bản đồ thể hiện đất chưa sử dụng, đất do UBND xã quản lý nhưng trên đất đã có tài sản thì các hộ gia đình vẫn được xin kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu đủ điều kiện các hộ gia đình vẫn được nhà nước giao đất theo quy định

Tại bản văn bản số: 795/UBND-TNMT ngày 26/5/2022 của UBND huyện V cung cấp thông tin như sau: Phần diện tích đất tranh chấp 799,0m<sup>2</sup> thuộc một phần của lô số 243, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 V (nay là xã Đ), có tên chủ sử dụng là ông Vi P được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng từ năm 1995. Trước năm 1997, phần diện tích đất tranh chấp không thể hiện tại hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính khác. Diện tích S1 là 785,3 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 629 có mục đích là đất rừng sản xuất, chưa kê khai tên chủ sử dụng đất và S2 là 13,7m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 699, mục đích là đất đồi núi chưa sử dụng do UBND xã quản lý. Từ năm 2011 đến nay, chưa có hộ gia đình nào thực hiện kê khai đăng ký đất đai đối với thửa đất số 629, 699. Năm 1995, ông Vi P (Vi Văn P) có đơn xin nhận rừng và đất trồng rừng, được UBND huyện V cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng lô số 243, diện tích 2,3ha, địa chỉ thôn Nà Muồng, xã V (nay là thôn C, xã Đ) (Quyết định của UBND huyện không ghi cụ thể số và ngày, tháng, năm ban hành), các phía tiếp giáp như sau: Hướng Đông giáp đông, hướng Tây giáp ruộng, hướng Nam giáp nhà Định G, hướng Bắc giáp đầu suối + máy bơm. Quá trình thành lập bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 chỉ thực hiện can vẽ bằng phương pháp thủ công, không tiến hành đo đạc xác định ranh giới mốc giới tại thực địa. Từ năm 1997 đến nay UBND huyện không thực hiện cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân nào đối với diện tích nêu trên tại lô 243. Năm 1998, ông Nông Văn T được giao lô số 355, diện tích 1,2ha, ngày 03/9/2000, ông Nông Văn T (vợ là bà Hoàng Thị V) có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 355, tại địa danh T, diện tích 12.000m<sup>2</sup>, thôn N, xã V (nay là thôn C, xã Đ), huyện V và đã được UBND xã V xác nhận đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận. Theo đó thửa số 355 có các phía tiếp giáp: Hướng Đông giáp Nông Văn T1 có bậc làm ranh giới, hướng Tây giáp khe, hướng Nam giáp khe, hướng Bắc giáp Lý Văn Đ. UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho ông Nông Văn T đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo Luật đất đai năm 1993. Diện tích tranh chấp là đất nông nghiệp và được phép tồn tại tài sản là cây cối trên đất.

Tại Văn bản số: 31a/NN-PTNT ngày 08/5/2022 của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V: Qua rà soát không tìm thấy tài liệu liên quan đến việc cấp cây hồi giống cho hộ gia đình ông Nông Văn T vào năm 1995. Cây hồi đường kính dưới 05cm, cây mít, cây mận đường kính dưới 02cm, cây lát đường kính dưới 02cm khi chuyển đi nơi khác trồng vẫn có khả năng sống với điều kiện là phải chuẩn bị tốt về điều kiện kỹ thuật khi đánh cây đi trồng, hạn chế tối đa không để tổn thương đến bộ rễ của cây nên cuộc hồ trước khi chuẩn bị di dời và khi gặp điều kiện thời tiết thuận lợi (có mưa mới nên di chuyển), cây đường kính từ 10-15cm khả năng cây sống là rất thấp.

Những người làm chứng trình bày:

*Ông Hà Văn T trình bày:* Gia đình ông có khu đất rừng P, thôn M, xã V cũ, nguồn gốc được bố để là ông Hà Văn V chia cho. Khu đất có các hướng tiếp giáp: Hướng Đông giáp sông, hướng Tây Nam giáp đất Nông Văn T (đường đi do thời Pháp mở), hướng Tây giáp nương thủy lợi, hướng Bắc giáp ruộng. Trong thời gian ông quản lý, sử dụng chưa được kê khai và chưa được cấp sổ Bìa xanh nên chưa có sổ lô, sổ thửa. Khi ông quản lý có các hộ gia đình hỏi nhờ làm vườn để trồng ngô, sắn, mỗi nhà một mảnh làm vài năm rồi lại bỏ, trong đó có cả gia đình ông Nông Văn T cũng được nhờ làm vườn, ông chỉ cho những người này làm vườn nhờ chứ không cho hẳn, cũng không chuyển nhượng. Đối với bụi cây tre trên đất tranh chấp ông không được trồng mà do những người làm vườn cắm hàng rào tre mọc lên, chứ không phải do nhà ông Nông Văn T trồng. Đối với hàng đá xếp dọc phía trên bụi tre là do những người làm vườn xếp lên để không vướng đất canh tác. Năm 1994 ông chuyển nhượng khu rừng này cho ông Vy P và bà Chu Thị H, có lập văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương, thời điểm chuyển nhượng rừng các hộ gia đình nhờ đất canh tác đã trả lại đất để ông chuyển nhượng cho nhà ông Vy P. Khi chuyển nhượng thì bố con ông trực tiếp đến khu rừng để chỉ ranh giới, các hướng tiếp giáp cụ thể, ông Nông Văn T có biết nhưng không có ý kiến gì. Sau đó được biết nhà ông Vi P được cấp cây hồi dự án PAM 5322 và trồng hồi trên cả khu rừng, nhưng số lượng trồng bao nhiêu, trồng ở vị trí nào ông không nắm được. Sau này ông Nông Văn T có còn nhờ trồng ngô, sắn hay không ông không biết, bà Chu Thị H và ông Nông Văn T có xảy ra tranh chấp hay không, thời gian nào ông cũng không nắm được. Ông khẳng định vị trí đất đang tranh chấp hiện nay giữa Vy Tuấn A và ông Nông Văn T là trong tổng diện tích khu rừng ông đã chuyển nhượng cho ông Vy P và bà Chu Thị H.

*Ông Hà Văn L trình bày:* Khu đất rừng hiện đang tranh chấp giữa Vy Tuấn A và ông Nông Văn T có nguồn gốc do bố mẹ ông để lại, gia đình ông quản lý sử dụng ổn định trước khi chuyển nhượng. Sau đó bố, mẹ chia cho em trai ông là Hà Văn T địa danh “P” thôn N, xã V cũ (nay là Đ). Phần đất có ít cây hồi thì gia đình ông cho các hộ dân trong đó có gia đình ông Nông Văn T làm vườn nhờ để trồng ngô, sắn chứ không cho hẳn. Sau khi được chia đất thì ông Hà Văn T đã bán thửa đất rừng này cho ông Vi Văn P và bà Chu Thị H, ông có được ký tên vào giấy chuyển nhượng đất. Thửa đất có các hướng tiếp giáp: Hướng Tây giáp ruộng, hướng Đông đến đỉnh xuống sông, hướng Nam giáp nhà ông Nông Văn T và ông Đ. Đối với hàng cây tre gia đình ông không được trồng, không được xếp đá mà do các hộ gia đình làm vườn trồng và xếp lên.

*Bà Mông Thị B trình bày:* Bà là vợ ông Nông Văn H (đã chết), là chị dâu của ông Nông Văn T. Bà và ông Nông Văn H kết hôn từ năm 1971, thấy gia đình trước đây có mảnh đất vườn tại P, thuộc thôn N, xã V, huyện V gần khu nhà ở của gia đình. Hàng năm thấy nhà chồng canh tác mảnh vườn (là mảnh đất đang tranh chấp hiện nay), nhưng về nguồn gốc do ai để lại bà không biết được. Hàng năm bà được canh tác trồng ngô, khoai. Giáp với khu vườn có đất rừng của ông Vi Văn C và đất của ông Vi P (ông nội của Vy Tuấn A), (ông Vi Văn C

và vợ, con ông ấy đều đã chết). Thời điểm bà còn ở đây bà Chu Thị H và ông Vi P chưa có đất rừng ở khu vực này. Sau đó thấy nhà bà Chu Thị H đến làm ở cạnh vườn nhà bà, có hàng đá làm ranh giới với đất nhà ông Vi P và bà Chu Thị H. Sau đó do chồng bà đi bộ đội lấy vợ hai ở C, Hải Dương nên bà và con gái chuyển về xã B, huyện C sinh sống. Mảnh vườn P này vợ chồng bà đã để lại cho ông Nông Văn T từ năm 1986, từ đó gia đình ông Nông Văn T canh tác ổn định đến nay, ông Nông Văn T trồng cây gì, trồng năm nào, làm thêm ranh giới gì hay không thì bà không nắm được. Diện tích đất đang tranh chấp đã chia cho ông Nông Văn T quản lý, sử dụng ổn định, nay bà không có yêu cầu gì.

*Chị Nông Thị T trình bày:* Chị là con gái của ông Nông Văn H và bà Mông Thị B, ông Nông Văn T là chú ruột của chị. Nhà ông Nông Văn T có mảnh đất vườn P, thuộc thôn N, xã V, huyện V, mảnh vườn này gần với mảnh đất nhà ở của ông Nông Văn T. Về nguồn gốc chị được biết là của ông bà để lại cho ông Nông Văn T quản lý, sử dụng từ trước. Hằng năm chị về làm ruộng, thỉnh thoảng được giúp ông Nông Văn T canh tác mảnh vườn này, chủ yếu trồng ngô, khoai. Từ trước đến nay năm nào chị cũng về làm ruộng, không gặp người nhà Vy Tuấn A đến canh tác mảnh vườn này bao giờ. Về khu đất rừng gần với đất tranh chấp là của ai, hàng năm ai quản lý, sử dụng chị không biết, chị cũng không biết nhà ông, bà nội của Vy Tuấn A mua rừng với ai, thời gian nào, diện tích bao nhiêu. Diện tích đất đang tranh chấp đã được chia cho ông Nông Văn T quản lý, sử dụng ổn định, nay chị không có yêu cầu gì.

*Ông Vi Văn S trình bày:* Thời kỳ năm 1997-2005 ông là Bí thư chi bộ thôn N, nay là thôn C, xã Đ. Năm 1999 ông được tham gia hòa giải việc tranh chấp giữa bà Chu Thị H và ông Nông Văn T, do đã lâu nên không nhớ cụ thể diện tích là bao nhiêu, chỉ nhớ là trên đất có 6-7 cây hồi, do hai bên không thỏa thuận được nên thôn đã chuyển lên UBND xã V. Về địa danh đất tranh chấp là P, còn địa danh T là không phải ở chỗ đất tranh chấp.

Tại biên bản xác minh đối với ông Vi Văn C1 ngày 16/5/2022 xác định: Năm 1999 - 2000 ông được tham gia hòa giải tại thôn việc tranh chấp giữa bà Chu Thị H và ông Nông Văn T, kết quả hòa giải không thành. Tại thời điểm hòa giải tại xã ông không được tham gia, sau đó ông được biết hai bên đã tự thỏa thuận được nên không cần hòa giải nữa. Về nguồn gốc đất tranh chấp ông được biết thời điểm đó ông Nông Văn T cũng sử dụng để trồng sắn, tuy nhiên do thời gian đã lâu ông không rõ nữa, sau đó bà Chu Thị H mua đất tại vị trí này nhưng ông không nắm được vị trí, ranh giới như thế nào.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 07-7-2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/QĐ-SCBSBA ngày 22-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Vy Tuấn A được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 771,1m<sup>2</sup> tại P, thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa 629 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01

xã V (nay là xã Đ) huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Được xác định theo các điểm ABCEFGHK (theo Phụ lục sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 07/7/2022 kèm theo) và sở hữu tài sản gồm 06 cây hòe, 54 cây tre, 05 cây xoan, 01 cây vối, 01 cây vú sữa; 01 cây tạp, 03 cây sau sau.

Anh Vy Tuấn A có nghĩa vụ kê khai đăng ký đất đai với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Buộc bị đơn và những người liên quan phía bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên.

1.2. Ông Nông Văn T được quản lý, sử dụng diện tích đất ngôi mộ là 14,2m<sup>2</sup>, được xác định bởi các điểm MNOPQRSKL (theo Phụ lục sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 07/7/2022 kèm theo). Ông Nông Văn T không phải thanh toán giá trị diện tích đất 14,2m<sup>2</sup> cho anh Vy Tuấn A.

1.3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vy Tuấn A đối với phần diện tích 13,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 699, trên đất không có tài sản. Được xác định bởi các điểm CDE (theo Phụ lục sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 07/7/2022 kèm theo).

2. Về yêu cầu di dời tài sản trên đất: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nông Văn T di dời 10 cây lát, 01 cây mít, 01 cây mận ra khỏi đất tranh chấp. Anh Vy Tuấn A không phải hoàn trả giá trị cây phải di dời cho ông Nông Văn T.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Vy Tuấn A phải chịu 227.000 đồng (đã nộp). Ông Nông Văn T phải chịu tổng số tiền là 13.022.000 đồng. Anh Vy Tuấn A đã nộp trước số tiền trên, buộc ông Nông Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho anh Vy Tuấn A số tiền 13.022.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Nông Văn T kháng cáo yêu cầu được công nhận quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 771,1m<sup>2</sup> có địa danh P, thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; không nhất trí di dời tài sản trên đất; không chấp nhận chịu tiền chi phí tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau: Nguyên đơn anh Vy Tuấn A được quản lý, sử dụng 399,0m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 629, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã V tỉ lệ 1/10000 lập năm 2010, có vị trí đỉnh thửa A, B, P, N, M và được quyền sở hữu tài sản là cây trồng trong phạm vi diện tích đất nêu trên. Bị đơn ông Nông Văn T được quyền quản lý, sử dụng và quyền sở hữu tài sản là cây trồng trên đất trong phạm vi diện tích là 386,3m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 629, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã V tỉ lệ 1/10000 lập năm



2010. Trong đó: 317,3m<sup>2</sup> có các đỉnh thừa H, K, M, N, F, G và diện tích 69,0m<sup>2</sup> có vị trí đỉnh thừa N, P, C, E.

Về chi phí tố tụng. Chi phí đợt 1 hết 13.249.000 đồng, đợt 2 hết 6.150.000 đồng. Tổng chi hết 19.400.000đ (làm tròn số). Xác nhận nguyên đơn đã nộp 13.250.000 đồng. Bị đơn đã nộp 10.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu 9.700.000 đồng, bị đơn tự nguyện chịu 9.700.000. Tại phiên tòa bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn 3.550.000 đồng. Bị đơn được trả lại số tiền thừa là 300.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh Vy Tuấn A tự nguyện chịu 300.000 đồng. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ theo biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã có ủy quyền, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị: Kháng cáo của ông Nông Văn T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn làm trong hạn luật định nên kháng cáo và kháng nghị là hợp lệ.

Quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Nông Văn T được miễn nộp, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, có một số đương sự vắng mặt, tuy nhiên đã có ủy quyền và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng tiến hành xét xử, Hội đồng xét xử thảo luận tại chỗ; căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 13,7m<sup>2</sup> đất tranh chấp, trên đất không có tài sản gì. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, cấp sơ thẩm đã chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau: Nguyên đơn anh Vy Tuấn A được quyền quản lý, sử dụng 399,0m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 629, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã V tỉ lệ 1/10000 lập năm 2010 và được quyền sở hữu tài sản là cây trồng trong phạm vi diện tích đất nêu trên. Bị đơn ông Nông Văn T được quyền quản lý, sử dụng và quyền sở hữu tài sản là cây trồng trên đất trong phạm vi diện tích là 386,3m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 629, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã V tỉ lệ 1/10000 lập năm 2010. Trong đó: 317,3m<sup>2</sup> và diện tích 69,0m<sup>2</sup>. Về chi phí tố tụng: Chi phí đợt 1 hết 13.249.000 đồng, đợt 2 hết 6.150.000 đồng. Tổng chi hết 19.400.000đ (làm tròn số). Xác nhận nguyên đơn đã nộp 13.250.000 đồng. Bị đơn đã nộp 10.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu 9.700.000 đồng, bị đơn tự nguyện chịu 9.700.000. Tại phiên tòa bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn 3.550.000 đồng. Bị đơn được trả lại số tiền thừa là 300.000 đồng. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Vy Tuấn A tự nguyện chịu 300.000 đồng. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ theo biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, căn cứ Điều 5, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận những vấn đề có căn cứ, không chấp nhận những vấn đề không có căn cứ.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, được Hội đồng xét xử chấp nhận vì phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông Nông Văn T kháng cáo phải chịu án phí. Tuy nhiên, ông Nông Văn T là người cao tuổi, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, ông Vy Văn Thang được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5; Điều 300; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1. Nguyên đơn anh Vy Tuấn A được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 399,0 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 629, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã V tỉ lệ 1/10000 lập năm 2010, có vị trí đỉnh thửa A,B,P,N,M và được quyền sở hữu tài sản là cây trồng trong phạm vi diện tích đất nêu trên.

2. Bị đơn ông Nông Văn T được quyền quản lý, sử dụng và quyền sở hữu tài sản là cây trồng trên đất trong phạm vi diện tích là 386,3m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 629, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã V tỉ lệ 1/10000 lập năm 2010. Trong đó: Diện tích 317,3m<sup>2</sup> có các đỉnh thửa H,K,M,N,F,G và diện tích 69,0m<sup>2</sup> có vị trí đỉnh thửa N,P C,E.

*(Có phụ lục mảnh trích đo kèm theo bản án).*

3. Về chi phí tố tụng: Anh Vy Tuấn A tự nguyện chịu 9.700.000 đồng (chín triệu bảy trăm nghìn đồng). Xác nhận Anh Vy Tuấn A đã nộp đủ số tiền trên. Ông Nông Văn T tự nguyện chịu số tiền là 9.700.000 đồng (chín triệu bảy trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Nông Văn T đã nộp đủ. Xác nhận ông Nông Văn T đã hoàn trả cho anh Vy Tuấn A số tiền 3.550.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tại phiên tòa. Trả lại cho ông Nông Văn T số tiền thừa 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại phiên tòa.

4. Về án phí sơ thẩm: Xác nhận anh Vy Tuấn A đã nộp đủ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/000630 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Nông Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Cao Đức Chiến**

